

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚC THỌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản số: 14/2024/HS-ST
Ngày: 06-02-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thu Hương và ông Lê Xuân Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Khuất Tiến Phúc – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Nguyên Ngọc-Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 113/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST - HS ngày 29 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/HSST-QĐ ngày 12/01/2024, đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn C (tên khác: C1), sinh năm 1982 tại xã B, huyện Y, tỉnh Hòa Bình; nơi thường trú: Thôn H, xã B, huyện Y, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Không đi học; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn C2 (c) và bà Bùi Thị M; có vợ và 03 con; tiền án: Bản án số 06/2009/HSST ngày 02/04/2009 của TAND huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình, xử phạt Bùi Văn C 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chện đã chấp hành xong hình phạt tù, chưa thi hành khoản án phí hình sự, dân sự sơ thẩm và tiền sung quỹ nhà nước, tiền sự: không; nhân thân: Bản án số 42/2013/HSST ngày 10,11/09/2013 của TAND huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, xử phạt Bùi Văn C 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chện đã chấp hành xong hình phạt tù và được miễn nghĩa vụ thi hành án (án phí hình sự và án phí dân sự) tại Quyết định số 08/2023/QĐST-VDS ngày 16/6/2023 của TAND thành phố Hòa Bình. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/10/2023 đến nay. “có mặt”

2. Nguyễn Thị T, sinh năm 1987 tại thành phố H, tỉnh Hòa Bình; nơi thường trú: Tổ H, phường K, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao

động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 02; dân tộc: Mường; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị H (c); có chồng và 03 con; tiền án: Bản án số 06/2009/HSST ngày 02/04/2009 của TAND huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình, xử phạt Nguyễn Thị T 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. T đã chấp hành xong hình phạt, chưa thi hành khoản án phí hình sự, dân sự sơ thẩm và tiền sung quỹ nhà nước, tiền sự: không; nhân thân: Bản án số 42/2013/HSST ngày 10,11/09/2013 của TAND huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, xử phạt Nguyễn Thị T 27 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. T đã chấp hành xong hình phạt tù và được miễn nghĩa vụ thi hành án (án phí hình sự và án phí dân sự) tại Quyết định số 14/2020/QĐST-VDS ngày 30/6/2020 của TAND thành phố Hòa Bình. Bị cáo tại ngoại. “có mặt”

Người bào chữa cho bị cáo T: Bà Nguyễn Minh T1, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H. “có mặt”

Bị hại: Công ty cổ phần D; địa chỉ: Cụm D, xã P, huyện P, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Khuất Quang T2, Giám đốc Công ty; người đại diện theo ủy quyền: Ông Khuất Quang T3, Trợ lý Giám đốc Công ty. “có mặt”

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty cổ phần Đ; địa chỉ: Số C tổ D, phường H, quận H, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Minh K, Tổng Giám đốc. “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty cổ phần Đ là nhà thầu thi công công trình tại cụm C thuộc thôn L, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội. Công ty Đ thuê Công ty cổ phần D bảo vệ an ninh và tài sản cho Công ty Đ bảo vệ công trình tại cụm C thuộc thôn L, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội.

Ngày 10/8/2023, Công an xã V nhận được tin báo từ lực lượng bảo vệ của Cụm C bắt giữ 01 đối tượng Bùi Văn C đang chuẩn bị thực hiện hành vi trộm cắp dây cáp điện tại cụm công nghiệp.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (một) con dao dài khoảng 40cm, chuôi bằng gỗ dài khoảng 14cm, phần dao bằng kim loại dài khoảng 26cm, bản rộng nhất khoảng 06cm, phần giáp chuôi dao rộng khoảng 03cm (C khai sử dụng để chặt dây cáp điện).

- 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu xám, đeo biển kiểm soát: 29T3 – 9578, số máy: 5VT252741, số khung: VYA – J5VT24YA05274.

Kết quả điều tra xác định: Trước khi bị phát hiện hành vi chuẩn bị trộm cắp dây cáp điện ngày 10/8/2023, C và vợ là Nguyễn Thị T đã 02 lần trộm cắp dây cáp điện tại cụm C, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng tháng 6/2023, C đi qua cụm C thấy đang xây dựng, lắp đặt điện đường, xung quanh không có hàng rào nên nảy sinh ý định trộm cắp dây cáp điện. Vào một đêm cuối tháng 7/2023, C rủ vợ là Nguyễn Thị Thanh đi trộm cắp tài sản. T đồng ý. Chẹn mang theo 01 con dao phay để trong người và 02 bao tải dứa đựng trong một túi nilon cài ở giá để đồ của xe máy, mục đích dùng để chặt và đựng dây điện trộm cắp. Chẹn điều khiển xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu xám, biển kiểm soát 29T3-9578 (là xe của vợ chồng C) chở T ngồi phía sau từ nhà ở thành phố H đi thẳng đến cụm C. Đến khoảng 01 giờ sáng hôm sau, C và T đi qua cổng cụm C khoảng 200 mét, rẽ trái vào đường bê tông nội đồng rồi đi theo đường bê tông đến sát tường rào bên phải cụm công nghiệp (hướng từ ngoài đường nhìn vào), dựng xe cách tường rào khoảng 5 mét. Cả 02 trèo qua tường rào, đoạn đối diện đường bê tông (tường rào cao khoảng 1 mét có cột trụ, chưa có lưới rào) vào bên trong công trường, quan sát xung quanh không có bảo vệ trông coi, C cầm dao cài ở thắt lưng rồi trèo lên 01 cột điện, còn T ngồi cách cột điện khoảng 15 – 20 mét để canh giới. Chẹn trèo đến gần đoạn có dây điện vắt qua, ngay dưới thanh sắt buộc dây điện, tay trái nắm vào thanh sắt, tay phải cầm dao chặt đứt dây thép buộc dây điện để cho dây trùng xuống đất. Sau đó, C trèo lên cột điện cạnh cột điện vừa trèo rồi dùng dao tháo dây điện cho trùng xuống đất. Chẹn kê đoạn dây điện vừa trùng xuống đất vào cột điện vừa trèo và dùng dao chặt đứt được 01 đoạn dây. Chẹn tiếp tục trèo lên cột điện ở giữa hàng cột điện song song gần tường bao phía sau công trường và theo cách thức cũ để tiếp tục trộm cắp dây điện. Tổng số dây điện loại 0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 4x10mm² SUNWON Chẹn cắt được là 127,5 mét. Chẹn và T kéo dây điện cuộn thành vòng tròn, cho vào 01 bao tải để lên xe máy rồi mang bán cho cửa hàng thu mua phế liệu của bà Nguyễn Thị M1 được 1.500.000 đồng. Khi bán dây điện, C và T không nói là tài sản do mình trộm cắp mà có. Số tiền này cả 02 tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ hai: Vào đầu tháng 8/2023, C điều khiển xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu xám BKS: 29T3-9578 chở T đến cụm C để trộm cắp tài sản. C và T quan sát xung quanh không có người, cả hai theo hướng cũ vào trong khu công trường. Chẹn trèo lên cột điện để chặt đứt các đoạn dây điện, còn T

đứng dưới cảnh giới. Với cách thức, thủ đoạn như lần trộm cắp trước, C và T trộm cắp được tổng số 211,7 mét dây cáp điện loại 0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 4x10mm² SUNWON. Sau khi trộm cắp được dây điện, C và T cuộn dây điện cho vào bao tải, để lên xe rồi mang bán cho cửa hàng thu mua phế liệu của bà Nguyễn Thị M1 được 1.000.000 đồng. Số tiền này, cả 02 tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 35/2023/KL-HĐĐGTS ngày 20/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên huyện P kết luận: 01 (một) mét dây cáp điện bọc vỏ nhựa màu đen trên thân vỏ ghi ký hiệu 0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 4x10mm² SUNWON có giá trị là 135.080 đồng tại thời điểm bị chiếm đoạt vào tháng 7, tháng 8 năm 2023.

Tại bản cáo trạng số 121/CT-VKS ngày 29/11/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội truy tố Bùi Văn C và Nguyễn Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bùi Văn C 22-26 tháng tù, Nguyễn Thị T 18-21 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Không phạt các bị cáo hình phạt bổ sung. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 45.819.136 đồng. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí.

Người bào chữa cho bị cáo T trình bày: Viện kiểm sát truy tố bị cáo T về tội Trộm cắp tài sản là có căn cứ. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo là dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo thuộc hộ nghèo, bị cáo có hoàn cảnh gia đình, kinh tế khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp hơn đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo khai: Trong tháng 7 và tháng 8/2023, lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của Công ty CP D, Bùi Văn C và Nguyễn Thị T đã trộm cắp 339,2 mét dây cáp điện 0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 4x10mm² SUNWON trị giá 45.819.136 đồng (*bốn mươi lăm triệu tám trăm mười chín nghìn một trăm ba mươi sáu đồng*) tại cụm C thuộc thôn L, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội, trong đó lần thứ nhất C và T đã trộm cắp 127,5 mét dây cáp điện, trị giá 17.222.700 đồng, lần thứ hai đã trộm cắp 211,7 mét dây cáp điện, trị giá 28.596.436 đồng.

Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại, người liên quan cùng các tài liệu, vật chứng của vụ án nên đủ cơ sở kết luận: Trong tháng 7-8 năm 2023, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của Công ty CP D, Bùi Văn C và Nguyễn Thị T đã 02 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 339,2m dây cáp điện 0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 4x10mm² SUNWON trị giá 45.819.136 đồng tại cụm C thuộc thôn L, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội, trong đó lần thứ nhất C và T đã trộm cắp 127,5 mét dây cáp điện, trị giá 17.222.700 đồng, lần thứ hai đã trộm cắp 211,7 mét dây cáp điện, trị giá 28.596.436 đồng.

Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự và các văn bản hướng dẫn: Hành vi của Bùi Văn C và Nguyễn Thị Thanh đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ truy tố các bị cáo về tội danh trên là có căn cứ.

[3]. Hành vi phạm tội của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự xã hội. Vụ án có nhiều bị cáo tham gia nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên cần đánh giá vai trò của từng bị cáo, cá thể hóa trách nhiệm hình sự để có mức hình phạt tương xứng.

Các bị cáo đều đã bị Tòa án xử phạt về tội Trộm cắp tài sản và chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm; các bị cáo đều phạm tội 2 lần trở lên và nhân thân đều đã từng bị Tòa án xét xử về tội chiếm đoạt tài sản, vì vậy cần áp dụng hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục. Bị cáo C là người khởi xướng và cũng là người thực hành các lần trộm cắp tài sản nên phải chịu mức hình phạt cao hơn. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Tòa án cũng xem xét: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đều là dân tộc thiểu số là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là Công ty CP D bị các bị cáo chiếm đoạt tài sản trị giá 45.819.136 đồng nên yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho

Công ty toàn bộ số tiền trên. Xét yêu cầu của Công ty D là có căn cứ, nên chấp nhận. Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho Công ty D số tiền 45.819.136 đồng.

Công ty cổ phần Đ là chủ sở hữu của số tài sản bị trộm cắp nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết về trách nhiệm dân sự với Công ty CP D nên Tòa án không xem xét.

[6]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) con dao dài khoảng 40cm, chuôi bằng gỗ dài khoảng 14cm, phần dao bằng kim loại dài khoảng 26cm, bản rộng nhất khoảng 06cm, phần giáp chuôi dao rộng khoảng 03cm là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy; đối với 01 (một) xe máy, nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu xám, đã cũ, gắn biển kiểm soát: 29T3 – 9578, số máy: 5VT252741, số khung: VYA – J5VT24YA052741 là tài sản của C và T, sử dụng làm phương tiện để phạm tội nên tịch thu, phát mại, sung quỹ nhà nước.

[7]. Về đề nghị của Kiểm sát viên đối với vụ án: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt các bị cáo về mức hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8]. Đối với bà Nguyễn Thị M1 là người 02 lần mua dây cáp điện của Bùi Văn C và Nguyễn Thị T. Kết quả điều tra xác định, bà M1 không biết số dây cáp điện mà C và T bán là tài sản do trộm cắp mà có nên không đủ căn cứ để xử lý đối với bà Nguyễn Thị M1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[9]. Khi Bùi Văn C bị phát hiện đang chuẩn bị thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, C tụt từ trên cột điện xuống và bị va đập vào cột điện dẫn đến bị rách da, chảy máu ở cổ chân và đầu gối chân trái. Chẹn không bị ai đánh, không có yêu cầu đề nghị gì về thương tích nên Tòa án không xem xét.

[10]. Về án phí: Bị cáo C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bị cáo T thuộc hộ nghèo nên được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự

1.1. Xử phạt: Bùi Văn C (tên khác: Chẹm) 24 (hai bốn) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 13/10/2023.

1.2. Xử phạt: Nguyễn Thị T 18 (mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 589 của Bộ luật Dân sự

Buộc Bùi Văn C và Nguyễn Thị T phải liên đới bồi thường cho Công ty cổ phần D số tiền 45.819.136 đồng, cụ thể: Mỗi người phải bồi thường số tiền 22.909.568đ (*hai hai triệu chín trăm linh chín nghìn năm trăm sáu tám đồng*).

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự

3.1. Tịch thu, phát mại, sung quỹ nhà nước 01 (một) xe máy, nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu xám, đã cũ, gắn biển kiểm soát: 29T3 – 9578, số máy: 5VT252741, số khung: VYA – J5VT24YA052741.

3.2. Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) con dao dài khoảng 40cm, chuôi bằng gỗ dài khoảng 14cm, phần dao bằng kim loại dài khoảng 26cm, bản rộng nhất khoảng 06cm, phần giáp chuôi dao rộng khoảng 03cm.

(Theo biên bản giao nhận ngày 05/01/2024)

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

4.1. Bị cáo Bùi Văn C phải chịu 200.000đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 1.145.000đ (*một triệu một trăm bốn lăm nghìn đồng*) án phí dân sự.

4.2. Miễn nộp án phí đối với bị cáo Nguyễn Thị T.

5. Về lãi suất chậm trả: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Về thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- Công an huyện Phúc Thọ;
- Sở tư pháp TP. Hà Nội;
- Bị cáo; bị hại; người có QL,NV liên quan;
- Chi cục THADS huyện Phúc Thọ;
- Lưu HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Hiếu